

Bản án số: 76/2021/HS-ST
Ngày 24 - 12 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH V

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân T.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị N.

2. Bà Kiều Thị T.

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Ánh V - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Đào X - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 69/2021/TLST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2021/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 12 năm 2021, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn M, sinh ngày 15 tháng 11 năm 1994, tại: thị trấn H, huyện T, tỉnh V; nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn H, huyện T, tỉnh V; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị M; vợ con chưa có; tiền án: Không. Tiền sự: 01. Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 09 ngày 22/12/2020, Công an xã Đ, huyện T xử phạt Nguyễn Văn M số tiền 1.500.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản. (Mùi chấp hành nộp phạt ngày 28/12/2020).

- Nhân thân: Tại Bản án số 26/2015/HSST ngày 09/02/2015 của Tòa án nhân dân thành phố V xử phạt Nguyễn Văn M 01 năm 03 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 20/4/2015 M chấp hành xong khoản án phí hình sự sơ thẩm. Ngày 28/01/2016, Nguyễn Văn M chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương, nay đã xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/7/2021 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh V, “có mặt”.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lê Văn D – Trợ giúp viên, Trung tâm Trợ

giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

Bị hại:

- Ông Cù Đình Thắng, sinh năm 1955.

Nơi cư trú: Thôn Cói, xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

- Ông Lê Văn Nhân, sinh năm 1979

Nơi cư trú: Xóm Chám, xã Định Trung, thành phố Vĩnh Yên, Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Chị Phạm Thị Vi, sinh năm 1981

Nơi cư trú: Thôn Cẩm Trạch, xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

- Ông Nguyễn Văn Cường, sinh năm 1975

Nơi cư trú: Tổ dân phố Lai Sơn, phường Đồng Tâm, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, “vắng mặt”.

- Bà Nguyễn Thị Minh, sinh năm 1966

Nơi cư trú: Tổ dân phố Đông Cao, thị trấn Hợp Hòa, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, “có mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Mùi là đối tượng nghiện ma túy, không có việc làm và thu nhập ổn định. Để có tiền tiêu xài cá nhân, Mùi đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của người khác. Trong khoảng thời gian từ ngày 10/7 đến ngày 18/7/2021 Mùi đã 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc với tổng giá trị tài sản trộm cắp là 5.509.000 đồng, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 8 giờ 30 phút ngày 10/7/2021, Mùi điều khiển xe mô tô Honda Dream, BKS: 33P9 - 86.35 kéo theo 01 xe lôi đi từ nhà ở thị trấn Hợp Hòa, huyện Tam Dương đến xã Hướng Đạo, huyện Tam Dương để cắt cỏ. Khi đi ngang qua khu đồi của gia đình ông Thắng thuộc thôn Cói, xã Đạo Tú, huyện Tam Dương, Mùi nhìn thấy trên bãi đất trống có tấm tôn của gia đình ông Thắng nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Sau khi quan sát xung quanh không có ai trông coi, quản lý Mùi lại gần để kiểm tra lật các tấm tôn lên thì thấy phía dưới có các khung sắt to và cồng kềnh không thể cho lên xe lôi để chở đi được; Mùi nghĩ cách cắt nhỏ khung sắt trên cùng để vận chuyển và dễ tiêu thụ. Sau đó, Nguyễn Văn Mùi điều khiển xe mô tô về nhà chuẩn bị 01 kìm sắt, 01 máy cắt sắt và 01 cuộn dây điện rồi quay lại trộm cắp khung sắt trên cùng định lấy. Khi quay trở lại Mùi đỗ xe vào một góc cây khuất tầm nhìn để tránh bị người đi đường phát hiện. Sau đó, Mùi đến vị trí các khung sắt, dùng tay tháo dỡ tấm tôn phủ bên trên xuống đất kéo

khung sắt phía trên cùng là 01 vì kèo được làm bằng sắt V5, kích thước (10 x 5,8 x 5,8)m, nặng 98 kg. M dùng kìm cắt vào khung sắt này nhưng không cắt được nên lấy máy cắt sắt để cắt; M đi vào căn nhà trống trên ô đất, tìm ổ cắm điện máy cắt sắt thì nghe thấy tiếng xe máy của ông T đi đến nên hoảng hốt bỏ trốn, để lại các dụng cụ và xe máy tại hiện trường. Khoảng 30 phút sau, M quay lại để lấy xe thì bị ông T phát hiện giữ lại, trình báo Công an xã Đ lập biên bản sự việc và thu giữ tang vật gồm: 01 xe máy Honda Dream màu nâu đen, BKS 33P9 – 8635 kéo theo 01 xe lôi hai bánh; 01 máy cắt sắt đã cũ; 01 cuộn dây điện màu vàng dài 9,7m có 01 đầu gắn ổ cắm điện, 01 đầu gắn giắc cắm; 01 kìm cắt sắt (Mùi khai là dụng cụ để trộm cắp khung sắt).

Ngày 28/7/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T Yêu cầu định giá tài sản đối với 01 bộ vì kèo được làm bằng sắt V5, kích thước (10 x 5,8 x 5,8)m, nặng 98 kg. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 36 ngày 07/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T xác định: “*Bộ vì kèo làm bằng sắt V5, hàn thành khung hình tam giác có kích thước (10 x 5,8 x 5,8)m, nặng 98 kg đã qua sử dụng, thời gian định giá tháng 07 năm 2021 trị giá làm tròn 813.000 đồng (tám trăm mười ba nghìn đồng)*”.

Vụ thứ hai: Khoảng 09 giờ ngày 17/7/2021, M điều khiển xe đạp điện, không mang biển kiểm soát từ nhà đến xã Đ, thành phố V để uống thuốc Methadone cai nghiện. Trên đường về nhà, M đi qua khu vực thôn T, xã T, huyện T thấy một xưởng đồ công xi măng của anh Lê Văn N có hộ khẩu thường trú tại xã Đ, thành phố V. M quan sát trong xưởng thấy không có người trông coi, quản lý nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. M trèo qua tường rào vào thấy trên sân có các khuôn kim loại dùng để đúc công xi măng, M đi vào trong khu vực nhà kho thấy có 01 xe kéo nên dùng xe kéo chở các khuôn đúc kim loại ra sát chân tường rào. Tiếp đó M bê những khuôn kim loại qua tường rào rồi xếp lên xe đạp điện chở đến cửa hàng thu mua sắt vụn của anh Nguyễn Văn C, ở tổ dân phố L, phường Đ, thành phố V để bán. Mùi thực hiện việc trộm cắp 04 lần, tổng cộng là 45 vỏ, lõi khuôn kim loại bán cho anh C được số tiền 3.700.000 đồng. Do đã mệt nên M để lại một số khuôn kim loại còn lại ở chân tường rào (vẫn ở bên trong khuôn viên xưởng), dự định hôm sau sẽ quay lại lấy nốt.

Vụ thứ 3: Sáng ngày 18/7/2021, M tiếp tục điều khiển xe máy biển kiểm soát 30F1 – 3784 đến xưởng của anh Lê Văn N. Quan sát thấy không có người trông coi, quản lý nên Mùi trèo vào tường rào nơi đã xếp các khuôn kim loại từ hôm trước, rồi bê các khuôn này ra ngoài xếp lên xe chở đến quán thu mua sắt vụn của chị Phạm Thị V ở thôn C, xã Đ, huyện T. Mùi thực hiện việc trộm cắp vận chuyển các khuôn kim loại 02 lần, tổng cộng là 13 vỏ, lõi khuôn kim loại bán cho cửa hàng của chị V.

Tại cửa hàng của chị V, M đã bán cho chị V và con gái chị V là cháu Bùi Thị Tuyết A, sinh năm 2002 tổng số 02 lần được tổng số tiền là 1.052.000 đồng. Như vậy, trong hai ngày 17 và 18/7/2021, M đã trộm cắp của anh N tổng cộng 58 vỏ, lõi khuôn kim loại, sau đó bán cho cửa hàng thu mua sắt của anh C và chị V được tổng số tiền 4.752.000 đồng. Số tiền trên M đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 18/7/2021, anh N phát hiện một số khuôn đúc kim loại bị mất nên đã trình báo Công an huyện T để giải quyết theo thẩm quyền. Cùng ngày, cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã làm việc với anh C và chị V để xác định và tạm giữ đối với những khuôn kim loại trên, bao gồm: 45 vỏ, khuôn kim loại thu ở nhà anh C và 13 vỏ, khuôn kim loại thu ở nhà chị V.

Ngày 28/7/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T Yêu cầu định giá tài sản đối với 58 vỏ, lõi khuôn kim loại nêu trên. Tại bản Kết luận định giá tài sản số 37 ngày 07/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T xác định: 45 khuôn công làm bằng kim loại (tài sản ngày 17/7/2021), thời gian định giá tháng 7/2021 trị giá làm tròn là 3.802.000 đồng; 13 khuôn công làm bằng kim loại (tài sản ngày 18/7/2021), thời gian định giá tháng 7/2021 trị giá làm tròn là 894.000 đồng.

Tổng cộng, M đã trộm cắp tài sản của gia đình ông T và gia đình anh N trị giá 5.509.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Văn M đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 71/CT-VKSVT ngày 09 tháng 11 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn M về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên luận tội đối với bị cáo: Giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng đối với bị cáo; sau khi đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 57 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Mùì từ 11 tháng đến 13 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam. Hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng. Ngoài ra còn đề nghị xử lý vật chứng và về trách nhiệm dân sự.

Bị hại ông Cù Đình T, ông Lê Văn N vắng mặt tại phiên tòa tuy nhiên quá trình điều tra, trình bày các nội dung phù hợp các tài liệu có trong hồ sơ vụ án các ông không có ý kiến gì khác và đề nghị giải quyết vụ việc theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị V vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên quá trình điều tra trình bày các nội dung phù hợp các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, chỉ đề nghị Nguyễn Văn M phải hoàn trả cho chị số tiền 1.052.000đ là tiền chị trả cho M khi mua vỏ, lõi khuôn kim loại và chỉ đề nghị giải quyết vụ việc theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị M vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên quá trình điều tra trình bày các nội dung phù hợp các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ông C, bà M đề nghị giải quyết vụ việc theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo M trình bày quan điểm bào chữa cho rằng quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo và được hưởng nhiều

tình tiết giảm nhẹ, do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ, áp dụng hình phạt nhẹ nhất để tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bào chữa cho bị cáo; bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Mùì thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, bị cáo khai nhận:

Trong các ngày 10/7, 17/7 và 18/7/2021 Nguyễn Văn M đã 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện T, tỉnh V với tổng trị giá tài sản trộm cắp là 5.509.000đ, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 8 giờ 30 phút ngày 10/7/2021, M điều khiển xe mô tô Honda Dream, biển kiểm soát 33P9-86.35 kéo theo 01 xe lôi đi qua khu đồi của gia đình ông Cù Đ T ở thôn C, xã Đạo T, huyện T. Lợi dụng sơ hở của gia đình ông T, M có hành vi lén lút định dùng kìm và máy cắt sắt để trộm cắp 01 vỉ kèo được làm bằng sắt V5, kích thước (10 x 5,8 x 5,8)m, nặng 98 kg trị giá 813.000 đồng. Tuy nhiên M chưa kịp cắt khung sắt ra để trộm cắp thì nghe thấy tiếng xe máy do ông T đi đến nên hoảng hốt bỏ trốn, để lại các dụng cụ và xe máy tại hiện trường. Khoảng 30 phút sau, Nguyễn Văn M quay lại để lấy xe thì bị ông T phát hiện bắt giữ, trình báo Công an xã Đ lập biên bản sự việc và thu giữ tang vật như đã nêu.

Lần thứ hai: Khoảng 09 giờ ngày 17/7/2021, Mùì có hành vi trèo tường vào bên trong xưởng đồ cồng xi măng của gia đình anh Lê Văn N ở thôn T, xã T, huyện T lén lút trộm cắp 45 vỏ, khuôn kim loại rồi mang đến cửa hàng thu mua sắt vụn của anh Nguyễn Văn C bán được số tiền 3.700.000 đồng.

Lần thứ ba: Khoảng 9 giờ ngày 18/7/2021, M tiếp tục đến xưởng của anh N lén lút trộm cắp 13 vỏ, lõi khuôn kim loại rồi bán cho cửa hàng thu mua sắt vụn của chị Phạm Thị V được số tiền 1.052.000 đồng.

[3]. Xét lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án; phù hợp với kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản và vật chứng vụ án thu giữ được cùng các chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa.

Bị cáo M có 01 tiền sự, ngày 22/12/2020 bị Công an xã Đ, huyện T xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản (M chấp hành nộp phạt ngày 28/12/2020), do vậy, các lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của Nguyễn Văn M

đều đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo M đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

[4]. Xét tính chất vụ án tuy ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương và xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng đấu tranh phòng chống tội phạm.

[5]. Xét nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo đã tác động để mẹ bị cáo bồi thường thiệt hại; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; quá trình điều tra và tại phiên tòa có thái độ thành khẩn khai báo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo có nhân thân xấu, có 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản, tháng 12/2020 bị Công an xã Đ huyện T xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản; ngoài ra năm 2015 bị Tòa án nhân dân thành phố V xử phạt 01 năm 03 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” (đã được xóa án tích). Mặc dù đã bị xử lý nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học, tiếp tục thực hiện nhiều hành vi phạm tội trong thời gian ngắn; tuy nhiên ngày 10/7/2021 bị cáo thực hiện hành vi phạm tội chưa đạt, do đó bị cáo được áp dụng Điều 57 của Bộ luật Hình sự về phạm tội chưa đạt đối với lần phạm tội này. Từ phân tích trên thấy rằng bị cáo là đối tượng không biết ăn năn hối cải, khó giáo dục, cải tạo. Vì vậy, cần thiết phải xử lý nghiêm, áp dụng hình phạt tù có thời hạn mới đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa riêng và giáo dục chung. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo M là đối tượng không có tài sản, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[7]. Về vật chứng của vụ án:

[7.1]. Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, biển kiểm soát 33P9 – 8635 thu giữ của M, quá trình điều tra, xác định chiếc xe bị tẩy xóa, sửa chữa số khung. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã tiến hành xác minh nguồn gốc, chủ sở hữu chiếc xe, do chưa xác minh được nguồn gốc của chiếc xe trên nên cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T tách ra tạm giữ, tiếp tục xác minh khi nào làm rõ xử lý sau.

[7.2]. Đối với 01 xe kéo 02 bánh đã thu giữ của M, quá trình điều tra xác định là tài sản của bà Nguyễn Thị M mẹ đẻ của M. Ngày 10/7/2021, Mùi sử dụng làm phương tiện trộm cắp tài sản của ông T nhưng bà M không biết. Ngày 28/7/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã trả lại cho bà M nhận và không có ý kiến gì nên không xét.

[7.3]. Đối với 01 kim cắt sắt, 01 máy cắt sắt và 01 cuộn dây điện đã thu giữ của M, quá trình điều tra xác định là tài sản của bà M. Ngày 10/7/2021, M sử dụng làm công cụ trộm cắp tài sản của ông T nhưng bà M không biết. Do đó, cần trả lại cho bà M.

[7.4]. Đối với chiếc xe đạp điện, không gắn biển kiểm soát, quá trình điều tra xác định là tài sản của bà M. Ngày 17/7/2021, M sử dụng xe đạp điện của bà M để đi uống thuốc Methadone sau đó sử dụng làm phương tiện trộm cắp tài sản bà M không biết. sau khi trộm cắp xong M đã trả trả lại cho bà M, sau đó bà M đã bán cho một người không rõ lai lịch. Do vậy không xem xét.

[7.4]. Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 30F1 – 3784, quá trình điều tra xác định ngày 18/7/2021, M mượn chiếc xe trên của anh Lương Xuân H, sinh năm 1993 ở xã Thanh V, huyện T. Khi M mượn chiếc xe trên, M không nói cho H biết sử dụng xe để trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra anh H khai đã bán chiếc xe trên cho một người không quen biết để lấy tiền chi tiêu cá nhân. Hiện tên, địa chỉ cụ thể của người này anh H không nhớ nên cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T không thu giữ được để xử lý theo quy định.

[7.5]. Đối với bộ vì kèo kim loại M trộm cắp của gia đình ông T, quá trình điều tra xác định M chưa kịp lấy trộm tài sản trên nên cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T giao cho ông T tạm quản lý, sử dụng. Ngày 01/10/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã trả lại cho ông T nhận lại và không có ý kiến gì nên không xét.

[7.6]. Đối với 58 khuôn đúc kim loại, quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của anh Lê Văn N. Ngày 29/7/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã trả lại cho anh N nhận đủ và không có yêu cầu, đề nghị gì, do vậy không xét.

[8]. Đối với Nguyễn Văn C, Phạm Thị V và Bùi Thị Tuyết A, quá trình điều tra xác định: Ngày 17 và 18/7/2021, khi mua khuôn sắt của M, anh C, chị V và chị Tuyết A không biết là tài sản do M trộm cắp mà có. Do vậy, cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T không đề cập xử lý đối với anh C, chị V và chị Tuyết A về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là phù hợp.

[9]. Về trách nhiệm dân sự:

[9.1]. Sau khi sự việc xảy ra, M đã tác động để mẹ đẻ là bà M bồi thường cho anh C số tiền 04 triệu đồng, anh C đã nhận đủ số tiền và không yêu cầu đề nghị gì khác do vậy không xét.

[9.2]. Chị Phạm Thị V đề nghị Nguyễn Văn M phải hoàn trả cho chị số tiền 1.052.000đ là tiền chị trả cho M khi mua vỏ, lõi khuôn kim loại. M đồng ý trả nhưng hiện chưa có tiền, do đó cần buộc M phải trả cho chị V số tiền trên.

[10]. Về án phí sơ thẩm: Bị cáo M thuộc hộ gia đình cận nghèo và xin miễn án phí, do vậy miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 57 của Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam từ ngày 20/7/2021.

Áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị M 01 kim cắt sắt, 01 máy cắt sắt và 01 cuộn dây điện đã thu giữ của M không liên quan đến việc phạm tội.

Vật chứng nêu trên có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng do Chi cục Thi hành án dân sự huyện T lập ngày 23 tháng 11 năm 2021.

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 589, 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn M phải bồi thường cho chị Phạm Thị V số tiền 1.052.000đ.

Kể từ ngày chị V có đơn yêu cầu thi hành án mà Nguyễn Văn M chưa thi hành xong số tiền trên, thì hàng tháng M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong vụ án hình sự cho bị cáo.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm; bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh V;
- Trại tạm giam CA tỉnh V;
- Sở Tư pháp tỉnh V;
- VKSND tỉnh V;
- VKSND huyện T;
- CA huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân T

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Nghị

Kiều Thị Thắng

Nguyễn Xuân Trọng

Nơi nhận:

- Bị cáo, người bào chữa cho bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Trại tạm giam CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Tam Dương;
- CA huyện Tam Dương;
- Chi cục THADS huyện Tam Dương;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trọng

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Thanh

Kiều Thị Thắng

Nguyễn Xuân Trọng

Nơi nhận:

- Bị cáo, người đại diện, người bào chữa cho bị cáo;
- Bị hại, người liên quan và người đại diện;
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Tam Dương;
- CA huyện Tam Dương;
- Chi cục THADS huyện Tam Dương;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trọng

